

*

**KẾT QUẢ BÌNH QUÂN ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B155**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	KHỐI I	KHỐI II	KHỐI III	BÌNH QUÂN	GHI CHÚ
1	1	Phạm Văn Ân	1974	6.25	5.50	7.00	6.25	
2	2	Huỳnh Quốc Bảo	1983	7.25	5.50	7.00	6.58	
3	3	Trần Văn Bình	1978	7.00	5.00	7.50	6.50	
4	4	Nguyễn Minh Bồn	1982	7.50	6.00	7.50	7.00	
5	5	Nguyễn Thị Bưởi	1974	6.75	5.50	8.00	6.75	
6	6	Tạ Ngọc Bưu	1966	5.00	6.50	5.50	5.67	
7	7	Đặng Thu Cúc	1984	5.50	7.00	7.50	6.67	
8	8	Nguyễn Thị Hải Châu	1982	6.25	5.50	8.00	6.58	
9	9	Nguyễn Thị Kim Chi	1976	5.75	6.50	7.00	6.42	
10	10	Phạm Thành Danh	1969	5.50	5.50	7.00	6.00	
11	11	Nguyễn Hoài Đức	1979	5.00	4.00	6.00	5.00	
12	12	Nguyễn Thanh Đường	1979	5.50	5.00	7.00	5.83	
13	13	Nguyễn Trường Giang	1979	6.75	4.00	8.00	6.25	
14	14	Lê Trường Giang	1985	5.50	3.00	6.50	5.00	
15	15	Nguyễn Văn Hải	1981	6.50	4.00	7.50	6.00	
16	16	Thái Thị Ngọc Hân	1981	5.75	6.00	7.50	6.42	
17	17	Huỳnh Chánh Hiệu	1978	5.00	2.50	5.00	4.17	
18	18	Bùi Phước Hòa	1978	6.75	4.50	6.50	5.92	
19	19	Nguyễn Thị Mỹ Hồng	1981	5.00	5.50	8.00	6.17	
20	20	Ngô Phi Hùng	1982	5.00	5.50	7.50	6.00	
21	21	Võ Phương Hùng	1973	5.00	5.25	7.00	5.75	
22	22	Nguyễn Tuấn Kiệt	1974	6.00	5.00	7.00	6.00	
23	23	Nguyễn Ngọc Lành	1977	5.50	5.00	6.75	5.75	
24	24	Lê Thị Liên	1985	6.00	5.50	7.00	6.17	
25	25	Phạm Nhật Linh	1969	6.00	5.00	7.50	6.17	
26	26	Nguyễn Thị Loan	1981	8.50	5.50	7.00	7.00	
27	27	Huỳnh Thanh Long	1969	6.00	5.00	7.00	6.00	
28	28	Bùi Phan Nhựt Minh	1991	6.50	5.00	6.75	6.08	
29	29	Trần Quang Nam	1981	7.00	6.00	6.75	6.58	
30	30	Nguyễn Bá Niêm	1978	5.50	5.00	7.00	5.83	
31	31	Phan Thị Kim Ngân	1987	6.00	5.00	7.00	6.00	
32	32	Tạ Thị Trương Nhi	1987	6.00	7.50	6.75	6.75	
33	33	Hồ Thị Hồng Nhung	1989	5.50	6.00	7.25	6.25	
34	34	Đỗ Hữu Phúc	1986	6.50	5.00	6.25	5.92	
35	35	Trần Xuân Phước	1973	7.50	5.00	6.50	6.33	
36	36	Trần Thị Mỹ Phương	1989	6.50	5.50	7.50	6.50	
37	37	Hồ Thị Tố Quyên	1988	7.00	7.00	6.75	6.92	
38	38	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	1972	6.00	5.00	6.75	5.92	
39	39	Huỳnh Thị Sen	1987	6.00	6.00	7.25	6.42	
40	40	Hồ Phan Trung Tâm	1971	5.00	6.00	6.75	5.92	



41	41	Huỳnh Minh	Tâm	1974	5.50	6.00	5.25	5.58	
42	42	Lê Văn	Tâm	1975	5.00	6.00	6.00	5.67	
43	43	Dương Công	Tâm	1984	5.00	5.00	3.25	4.42	
44	44	Nguyễn Hoàng	Tiến	1967	5.00	5.50	7.50	6.00	
45	45	Nguyễn Thị	Tiếng	1986	5.75	5.00	7.00	5.92	
46	46	Lê Thanh	Tôn	1974	5.75	5.00	8.00	6.25	
47	47	Hồ Thị Cẩm	Tú	1982	7.00	5.50	8.00	6.83	
48	48	Trần Thanh	Tú	1981	6.25	5.50	7.50	6.42	
49	49	Lê Thanh	Tùng	1978	5.00	5.00	7.50	5.83	
50	50	Hà Thị Mộng	Tuyền	1982	7.25	6.50	7.50	7.08	
51	51	Võ Thành	Tuyền	1986	5.00	3.50	7.00	5.17	
52	52	Lê Văn	Thanh	1984	7.00	5.50	8.00	6.83	
53	53	Nguyễn Thị Thu	Thảo	1985	5.00	5.00	7.50	5.83	
54	54	Nguyễn Thị	Thảo	1986	6.50	5.00	7.00	6.17	
55	55	Lê Thị	Thăm	1981	5.75	5.00	6.50	5.75	
56	56	Nguyễn Vạn	Thiện	1979	5.00	6.00	7.00	6.00	
57	57	Hồ Minh	Thọ	1980	5.25	4.00	7.00	5.42	
58	58	Bùi Thị Ngọc	Thúy	1989	7.75	5.50	6.50	6.58	
59	59	Thái Danh Hồng Cẩm	Thúy	1990	7.00	5.00	7.00	6.33	
60	60	Nguyễn Minh	Thức	1980	5.00	5.00	7.00	5.67	
61	61	Trần Hữu	Thượng	1972	6.00	4.50	7.00	5.83	
62	62	Đinh Bảo	Trị	1977	5.00	5.50	7.50	6.00	
63	63	Quách Thị	Triều	1968	5.00	5.00	6.00	5.33	
64	64	Lê Nguyễn Thiên	Ý	1982	5.50	5.50	8.00	6.33	

* **Tổng số bài thi:** **64**
- Số bài đạt: **54**
- Số không đạt: **10**

Giỏi 0
Khá 3
TB 51

THƯ KÝ



Nguyễn Hải Quân

K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thành Nhân



TỈNH ỦY AN GIANG
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TÔN ĐỨC THẮNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2022

*

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B155
KHOI KIẾN THỨC I

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
1	1	Phạm Văn Ân	1974	6.25	C1	
2	2	Huỳnh Quốc Bảo	1983	7.25	C2	
3	3	Trần Văn Bình	1978	7.00	C3	
4	4	Nguyễn Minh Bồn	1982	7.50	C4	
5	5	Nguyễn Thị Bưởi	1974	6.75	C5	
6	6	Tạ Ngọc Bưu	1966	5.00	C6	
7	7	Đặng Thu Cúc	1984	5.50	C7	
8	8	Nguyễn Thị Hải Châu	1982	6.25	C8	
9	9	Nguyễn Thị Kim Chi	1976	5.75	C9	
10	10	Phạm Thành Danh	1969	5.50	C10	
11	11	Nguyễn Hoài Đức	1979	5.00	C11	
12	12	Nguyễn Thanh Đường	1979	5.50	C32	
13	13	Nguyễn Trường Giang	1979	6.75	C33	
14	14	Lê Trường Giang	1985	5.50	C34	
15	15	Nguyễn Văn Hải	1981	6.50	C35	
16	16	Thái Thị Ngọc Hân	1981	5.75	C36	
17	17	Huỳnh Chánh Hiệu	1978	5.00	C37	
18	18	Bùi Phước Hòa	1978	6.75	C38	
19	19	Nguyễn Thị Mỹ Hồng	1981	5.00	C39	
20	20	Ngô Phi Hùng	1982	5.00	C40	
21	21	Võ Phương Hùng	1973	5.00	C41	
22	22	Nguyễn Tuấn Kiệt	1974	6.00	C42	
23	23	Nguyễn Ngọc Lành	1977	5.50	C43	
24	24	Lê Thị Liên	1985	6.00	C44	
25	25	Phạm Nhật Linh	1969	6.00	C45	
26	26	Nguyễn Thị Loan	1981	8.50	C46	
27	27	Huỳnh Thanh Long	1969	6.00	C47	
28	28	Bùi Phan Nhựt Minh	1991	6.50	C48	
29	29	Trần Quang Nam	1981	7.00	C49	
30	30	Nguyễn Bá Niêm	1978	5.50	C50	
31	31	Phan Thị Kim Ngân	1987	6.00	C51	
32	32	Tạ Thị Trương Nhi	1987	6.00	C52	
33	33	Hồ Thị Hồng Nhung	1989	5.50	C53	
34	34	Đỗ Hữu Phúc	1986	6.50	C54	
35	35	Trần Xuân Phước	1973	7.50	C55	
36	36	Trần Thị Mỹ Phương	1989	6.50	C56	



STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
37	37	Hồ Thị Tố	Quyên	1988	7.00	C57	
38	38	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	1972	6.00	C58	
39	39	Huỳnh Thị	Sen	1987	6.00	C59	
40	40	Hồ Phan Trung	Tâm	1971	5.00	C60	
41	41	Huỳnh Minh	Tâm	1974	5.50	C61	
42	42	Lê Văn	Tâm	1975	5.00	C62	
43	43	Dương Công	Tâm	1984	5.00	C63	
44	44	Nguyễn Hoàng	Tiến	1967	5.00	C64	
45	45	Nguyễn Thị	Tiếng	1986	5.75	C12	
46	46	Lê Thanh	Tồn	1974	5.75	C13	
47	47	Hồ Thị Cẩm	Tú	1982	7.00	C14	
48	48	Trần Thanh	Tú	1981	6.25	C15	
49	49	Lê Thanh	Tùng	1978	5.00	C16	
50	50	Hà Thị Mộng	Tuyền	1982	7.25	C17	
51	51	Võ Thành	Tuyền	1986	5.00	C18	
52	52	Lê Văn	Thanh	1984	7.00	C19	
53	53	Nguyễn Thị Thu	Thảo	1985	5.00	C20	
54	54	Nguyễn Thị	Thảo	1986	6.50	C21	
55	55	Lê Thị	Thắm	1981	5.75	C22	
56	56	Nguyễn Vạn	Thiện	1979	5.00	C23	
57	57	Hồ Minh	Thọ	1980	5.25	C24	
58	58	Bùi Thị Ngọc	Thúy	1989	7.75	C25	
59	59	Thái Danh Hồng Cẩm	Thúy	1990	7.00	C26	
60	60	Nguyễn Minh	Thức	1980	5.00	C27	
61	61	Trần Hữu	Thượng	1972	6.00	C28	
62	62	Đinh Bảo	Trị	1977	5.00	C29	
63	63	Quách Thị	Triều	1968	5.00	C30	
64	64	Lê Nguyễn Thiên	Ý	1982	5.50	C31	

* Tổng số bài thi: 64
- Số bài đạt: 64
- Số không đạt: 0

Giỏi 1
Khá 10
TB 53

THƯ KÝ



Nguyễn Hải Quân

K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thành Nhân

TỈNH ỦY AN GIANG
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TÔN ĐỨC THẮNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2022

*

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B155
KHOI KIẾN THỨC II

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
1	1	Phạm Văn Ân	1974	5.50	B45	
2	2	Huỳnh Quốc Bảo	1983	5.50	B46	
3	3	Trần Văn Bình	1978	5.00	B47	
4	4	Nguyễn Minh Bôn	1982	6.00	B48	
5	5	Nguyễn Thị Bưởi	1974	5.50	B49	
6	6	Tạ Ngọc Bửu	1966	6.50	B50	
7	7	Đặng Thu Cúc	1984	7.00	B51	
8	8	Nguyễn Thị Hải Châu	1982	5.50	B52	
9	9	Nguyễn Thị Kim Chi	1976	6.50	B53	
10	10	Phạm Thành Danh	1969	5.50	B54	
11	11	Nguyễn Hoài Đức	1979	4.00	B55	
12	12	Nguyễn Thanh Đường	1979	5.00	B56	
13	13	Nguyễn Trường Giang	1979	4.00	B57	
14	14	Lê Trường Giang	1985	3.00	B58	
15	15	Nguyễn Văn Hải	1981	4.00	B59	
16	16	Thái Thị Ngọc Hân	1981	6.00	B60	
17	17	Huỳnh Chánh Hiệu	1978	2.50	B61	
18	18	Bùi Phước Hòa	1978	4.50	B62	
19	19	Nguyễn Thị Mỹ Hồng	1981	5.50	B63	
20	20	Ngô Phi Hùng	1982	5.50	B64	
21	21	Võ Phương Hùng	1973	5.25	B1	
22	22	Nguyễn Tuấn Kiệt	1974	5.00	B2	
23	23	Nguyễn Ngọc Lành	1977	5.00	B3	
24	24	Lê Thị Liên	1985	5.50	B4	
25	25	Phạm Nhất Linh	1969	5.00	B5	
26	26	Nguyễn Thị Loan	1981	5.50	B6	
27	27	Huỳnh Thanh Long	1969	5.00	B7	
28	28	Bùi Phan Nhựt Minh	1991	5.00	B8	
29	29	Trần Quang Nam	1981	6.00	B9	
30	30	Nguyễn Bá Niêm	1978	5.00	B10	
31	31	Phan Thị Kim Ngân	1987	5.00	B11	
32	32	Tạ Thị Trương Nhi	1987	7.50	B12	
33	33	Hồ Thị Hồng Nhung	1989	6.00	B13	
34	34	Đỗ Hữu Phúc	1986	5.00	B14	
35	35	Trần Xuân Phước	1973	5.00	B15	



STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
36	36	Trần Thị Mỹ	Phuong	1989	5.50	B16	
37	37	Hồ Thị Tố	Quyên	1988	7.00	B17	
38	38	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	1972	5.00	B18	
39	39	Huỳnh Thị	Sen	1987	6.00	B19	
40	40	Hồ Phan Trung	Tâm	1971	6.00	B20	
41	41	Huỳnh Minh	Tâm	1974	6.00	B21	
42	42	Lê Văn	Tâm	1975	6.00	B22	
43	43	Dương Công	Tâm	1984	5.00	B23	
44	44	Nguyễn Hoàng	Tiến	1967	5.50	B24	
45	45	Nguyễn Thị	Tiếng	1986	5.00	B25	
46	46	Lê Thanh	Tồn	1974	5.00	B26	
47	47	Hồ Thị Cẩm	Tú	1982	5.50	B27	
48	48	Trần Thanh	Tú	1981	5.50	B28	
49	49	Lê Thanh	Tùng	1978	5.00	B29	
50	50	Hà Thị Mộng	Tuyền	1982	6.50	B30	
51	51	Võ Thành	Tuyền	1986	3.50	B31	
52	52	Lê Văn	Thanh	1984	5.50	B32	
53	53	Nguyễn Thị Thu	Thảo	1985	5.00	B33	
54	54	Nguyễn Thị	Thảo	1986	5.00	B34	
55	55	Lê Thị	Thắm	1981	5.00	B35	
56	56	Nguyễn Vạn	Thiện	1979	6.00	B36	
57	57	Hồ Minh	Thọ	1980	4.00	B37	
58	58	Bùi Thị Ngọc	Thúy	1989	5.50	B38	
59	59	Thái Danh Hồng Cẩm	Thúy	1990	5.00	B39	
60	60	Nguyễn Minh	Thức	1980	5.00	B40	
61	61	Trần Hữu	Thượng	1972	4.50	B41	
62	62	Đinh Bảo	Trị	1977	5.50	B42	
63	63	Quách Thị	Triều	1968	5.00	B43	
64	64	Lê Nguyễn Thiên	Ý	1982	5.50	B44	

* Tổng số bài thi: 64
 - Số bài đạt: 55
 - Số không đạt: 9

Giỏi 0
 Khá 3
 TB 52

THƯ KÝ



Nguyễn Hải Quân

K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
 PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thành Nhân

TỈNH ỦY AN GIANG
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TÔN ĐỨC THẮNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

An Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2022

*

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH B155
KHỐI KIẾN THỨC III

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
1	1	Phạm Văn Ân	1974	7.00	D45	
2	2	Huỳnh Quốc Bảo	1983	7.00	D46	
3	3	Trần Văn Bình	1978	7.50	D47	
4	4	Nguyễn Minh Bồn	1982	7.50	D48	
5	5	Nguyễn Thị Bưởi	1974	8.00	D49	
6	6	Tạ Ngọc Bưu	1966	5.50	D50	
7	7	Đặng Thu Cúc	1984	7.50	D51	
8	8	Nguyễn Thị Hải Châu	1982	8.00	D52	
9	9	Nguyễn Thị Kim Chi	1976	7.00	D53	
10	10	Phạm Thành Danh	1969	7.00	D54	
11	11	Nguyễn Hoài Đức	1979	6.00	D55	
12	12	Nguyễn Thanh Đường	1979	7.00	D56	
13	13	Nguyễn Trường Giang	1979	8.00	D57	
14	14	Lê Trường Giang	1985	6.50	D58	
15	15	Nguyễn Văn Hải	1981	7.50	D59	
16	16	Thái Thị Ngọc Hân	1981	7.50	D60	
17	17	Huỳnh Chánh Hiệu	1978	5.00	D61	
18	18	Bùi Phước Hòa	1978	6.50	D62	
19	19	Nguyễn Thị Mỹ Hồng	1981	8.00	D63	
20	20	Ngô Phi Hùng	1982	7.50	D64	
21	21	Võ Phương Hùng	1973	7.00	D1	
22	22	Nguyễn Tuấn Kiệt	1974	7.00	D2	
23	23	Nguyễn Ngọc Lành	1977	6.75	D3	
24	24	Lê Thị Liên	1985	7.00	D4	
25	25	Phạm Nhất Linh	1969	7.50	D5	
26	26	Nguyễn Thị Loan	1981	7.00	D6	
27	27	Huỳnh Thanh Long	1969	7.00	D7	
28	28	Bùi Phan Nhựt Minh	1991	6.75	D8	
29	29	Trần Quang Nam	1981	6.75	D9	
30	30	Nguyễn Bá Niêm	1978	7.00	D10	
31	31	Phan Thị Kim Ngân	1987	7.00	D11	
32	32	Tạ Thị Trương Nhi	1987	6.75	D12	
33	33	Hồ Thị Hồng Nhung	1989	7.25	D13	
34	34	Đỗ Hữu Phúc	1986	6.25	D14	
35	35	Trần Xuân Phước	1973	6.50	D15	



STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	ĐIỂM	SỐ PHÁCH	GHI CHÚ
36	36	Trần Thị Mỹ Phương	1989	7.50	D16	
37	37	Hồ Thị Tố Quyên	1988	6.75	D17	
38	38	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	1972	6.75	D18	
39	39	Huỳnh Thị Sen	1987	7.25	D19	
40	40	Hồ Phan Trung Tâm	1971	6.75	D20	
41	41	Huỳnh Minh Tâm	1974	5.25	D21	
42	42	Lê Văn Tâm	1975	6.00	D22	
43	43	Dương Công Tâm	1984	3.25	D23	
44	44	Nguyễn Hoàng Tiến	1967	7.50	D24	
45	45	Nguyễn Thị Tiêng	1986	7.00	D25	
46	46	Lê Thanh Tồn	1974	8.00	D26	
47	47	Hồ Thị Cẩm Tú	1982	8.00	D27	
48	48	Trần Thanh Tú	1981	7.50	D28	
49	49	Lê Thanh Tùng	1978	7.50	D29	
50	50	Hà Thị Mộng Tuyền	1982	7.50	D30	
51	51	Võ Thành Tuyền	1986	7.00	D31	
52	52	Lê Văn Thanh	1984	8.00	D32	
53	53	Nguyễn Thị Thu Thảo	1985	7.50	D33	
54	54	Nguyễn Thị Thảo	1986	7.00	D34	
55	55	Lê Thị Thắm	1981	6.50	D35	
56	56	Nguyễn Vạn Thiện	1979	7.00	D36	
57	57	Hồ Minh Thọ	1980	7.00	D37	
58	58	Bùi Thị Ngọc Thúy	1989	6.50	D38	
59	59	Thái Danh Hồng Cẩm Thúy	1990	7.00	D39	
60	60	Nguyễn Minh Thúc	1980	7.00	D40	
61	61	Trần Hữu Thượng	1972	7.00	D41	
62	62	Đinh Bảo Trị	1977	7.50	D42	
63	63	Quách Thị Triều	1968	6.00	D43	
64	64	Lê Nguyễn Thiên Ý	1982	8.00	D44	

* Tổng số bài thi: 64
 - Số bài đạt: 63
 - Số không đạt: 1

Giỏi 8
 Khá 34
 TB 21

THƯ KÝ



Nguyễn Hải Quân

K/T CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
 PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Nhân